

LỊCH HỌC THỰC HÀNH

(TUẦN 31 - Từ ngày 05 tháng 04 đến ngày 11 tháng 04 năm 2021)

ĐƠN VỊ: KHOA CƠ KHÍ

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	Ngày học\Ca học - phòng học														Giáo viên	Ghi chú
							Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		CN			
							Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng		
1	ĐH	13	20202ME6037003		25	Thực hành CNC												1	Tầng 1-A10	N. V. Đức	TT Hồng Hải	
2	ĐH	13	20202ME6037004		25	Thực hành CNC												2	TT Cơ khí	C. T. Anh	Khu B	
3	ĐH	13	20202ME6037005		25	Thực hành CNC	1	Tầng 1-A10												P. V. Trinh	TT Hồng Hải	
4	ĐH	13	20202ME6037006		25	Thực hành CNC	1	Tầng 1-A10												N. V. Cảnh	TT Hồng Hải	
5	ĐH	13	20202ME6037007		25	Thực hành CNC	2	Tầng 1-A10												V. Đ. Toàn	TT Hồng Hải	
6	ĐH	13	20202ME6037008		25	Thực hành CNC	2	Tầng 1-A10												N. V. Đức	TT Hồng Hải	
7	ĐH	13	20202ME6037009		25	Thực hành CNC			1	Tầng 1-A10										V. Đ. Toàn	TT Hồng Hải	
8	ĐH	13	20202ME6037010		25	Thực hành CNC			2	Tầng 1-A10										N. V. Quê	TT Hồng Hải	
9	ĐH	13	20202ME6037011		25	Thực hành CNC			1	Tầng 1-A10										N. V. Quê	TT Hồng Hải	
10	ĐH	13	20202ME6037012		25	Thực hành CNC					1	Tầng 1-A10								Đ. N. Hoàng	TT Hồng Hải	
11	ĐH	13	20202ME6037013		25	Thực hành CNC					2	Tầng 1-A10								Đ. N. Hoàng	TT Hồng Hải	
12	ĐH	13	20202ME6037014		25	Thực hành CNC			2	Tầng 1-A10										Đ. N. Hoàng	TT Hồng Hải	
13	ĐH	13	20202ME6037015		25	Thực hành CNC							1	Tầng 1-A10						N. V. Quê	TT Hồng Hải	
14	ĐH	13	20202ME6037016		25	Thực hành CNC							2	Tầng 1-A10						N. V. Đức	TT Hồng Hải	
15	ĐH	13	20202ME6037017		25	Thực hành CNC					1	Tầng 1-A10								N. V. Đức	TT Hồng Hải	
16	ĐH	13	20202ME6037018		25	Thực hành CNC									1	Tầng 1-A10				V. Đ. Toàn	TT Hồng Hải	
17	ĐH	13	20202ME6037019		25	Thực hành CNC									2	Tầng 1-A10				V. Đ. Toàn	TT Hồng Hải	
18	ĐH	13	20202ME6037020		25	Thực hành CNC					2	Tầng 1-A10								N. T. Mai	TT Hồng Hải	
19	ĐH	13	20202ME6037021		25	Thực hành CNC											1	TT Cơ khí		L. Q. Lâm	Khu B	
20	ĐH	13	20202ME6037022		25	Thực hành CNC											2	TT Cơ khí		L. Q. Lâm	Khu B	
21	ĐH	13	20202ME6037023		25	Thực hành CNC							1	Tầng 1-A10						N. M. Anh	TT Hồng Hải	
22	ĐH	13	20202ME6004001		30	Thực hành CAD/CAM					1	307-A10								H. T. Dũng	Tiếng Anh	
23	ĐH	13	20202ME6004002		30	Thực hành CAD/CAM					2	307-A10								N. V. Cảnh	Tiếng Anh	
24	ĐH	13	20202ME6004003		30	Thực hành CAD/CAM											1	307-A10		T. V. Long	Tiếng Anh	
25	ĐH	13	20202ME6004004	1	35	Thực hành CAD/CAM							2	306-A10						Đ. N. Hoàng		
26	ĐH	13	20202ME6004004	2	35	Thực hành CAD/CAM											2	307-A10		Đ. N. Hoàng		
27	ĐH	13	20202ME6004005	1	35	Thực hành CAD/CAM	1	307-A10												N. M. Anh		
28	ĐH	13	20202ME6004005	2	35	Thực hành CAD/CAM	2	307-A10												N. M. Anh		
29	ĐH	13	20202ME6004006	1	25	Thực hành CAD/CAM	3	306-A10												T. V. Long		
30	ĐH	13	20202ME6004006	2	25	Thực hành CAD/CAM	2	306-A10												N. V. Quê		
31	ĐH	13	20202ME6004006	3	25	Thực hành CAD/CAM	3	307-A10												N. V. Quê		
32	ĐH	13	20202ME6004007	1	35	Thực hành CAD/CAM											1	306-A10		Đ. N. Hoàng		
33	ĐH	13	20202ME6004007	2	35	Thực hành CAD/CAM							2	307-A10						N. V. Cảnh		
34	ĐH	13	20202ME6004008	1	35	Thực hành CAD/CAM													3	307-A10	P. V. Trinh	
35	ĐH	13	20202ME6004008	2	35	Thực hành CAD/CAM							3	307-A10						P. V. Trinh		
36	ĐH	9	20202010305001		1	Thực hành CAD/CAM									2	313-A10				N. M. Anh		
37	ĐH	12	20202ME6032001	1	25	TĐHQTSX	3	P311-A10												N. H. Sơn		
38	ĐH	12	20202ME6032001	2	25	TĐHQTSX													2	P311-A10	N. T. Sỹ	

39	ĐH	12	20202ME6032001	3	25	TĐHQTSX											3	P311-A10	N. H. Sơn	
40	ĐH	13	20202ME6006001	1	23	CNCTM2			1	P106-A9									Đ. Đ. Trung	
41	ĐH	13	20202ME6006001	2	23	CNCTM2	2	P106-A9											Đ. Đ. Trung	
42	ĐH	13	20202ME6006001	3	23	CNCTM2	3	P106-A9											N. V. Hùng	
43	ĐH	13	20202ME6006002	1	23	CNCTM2	1	P106-A9											D. V. Đức	
44	ĐH	13	20202ME6006002	2	23	CNCTM2						2	P106-A9						N. V. Hùng	
45	ĐH	13	20202ME6006002	3	23	CNCTM2			3	P106-A9									Đ. Đ. Trung	
46	ĐH	13	20202ME6006003	1	23	CNCTM2					2	P106-A9							T. Q. Hùng	
47	ĐH	13	20202ME6006003	2	23	CNCTM2									2	P106-A9			D. V. Đức	
48	ĐH	13	20202ME6006003	3	23	CNCTM2					3	P106-A9							N. T. Sỹ	
49	ĐH	13	20202ME6006004	1	23	CNCTM2					1	P106-A9							T. Q. Hùng	
50	ĐH	13	20202ME6006004	2	23	CNCTM2									1	P106-A9			N. T. Sỹ	
51	ĐH	13	20202ME6006004	3	23	CNCTM2									3	P106-A9			N. T. Sỹ	
52	ĐH	13	20202ME6006005	1	23	CNCTM2						1	P106-A9						N. T. Sỹ	
53	ĐH	13	20202ME6006005	2	23	CNCTM2								2	P106-A9				N. T. Mai	
54	ĐH	13	20202ME6006005	3	23	CNCTM2								3	P106-A9				N. T. Mai	
55	ĐH	13	20202ME6006006	1	23	CNCTM2								1	P106-A9				Đ. Đ. Trung	
56	ĐH	13	20202ME6006006	2	23	CNCTM2											2	P106-A9	D. V. Đức	
57	ĐH	13	20202ME6006006	3	23	CNCTM2						3	P106-A9						D. V. Đức	
58	ĐH	14	20202ME6070001	1	30	UDMTTCN	1	306-A10											Đ. V. Trường	
59	ĐH	14	20202ME6070001	2	22	UDMTTCN							3	306-A10					Đ. V. Trường	
60	CĐ	22	20202ME5034002	1	33	Thực hành CAD 2D					1	307-A10	1	307-A10			1	306-A10	Đ. M. Hiền	
61	CĐ	22	20202ME5034002	2	33	Thực hành CAD 2D			2	306-A10			2	307-A10			2	306-A10	Đ. M. Hiền	
62	CĐ	22	20202ME5034002	3	33	Thực hành CAD 2D					3	306-A10	3	307-A10			3	306-A10	Đ. M. Hiền	
63	ĐH	14	20202ME6027002	1	23	Thí nghiệm NLC	1	108-A9											B. T. Tài	
64	ĐH	14	20202ME6027002	2	24	Thí nghiệm NLC				1	108-A9								N. V. Quảng	
65	ĐH	14	20202ME6027002	3	24	Thí nghiệm NLC				2	108-A9								N. V. Quảng	
66	ĐH	14	20202ME6027003			Thí nghiệm NLC		3	108-A9								1	108-A9	N. C. Tâm	
67	ĐH	14	20202ME6027003			Thí nghiệm NLC					3	108-A9					2	108-A9	N. C. Tâm	
68	ĐH	14	20202ME6027003			Thí nghiệm NLC							3	108-A9			3	108-A9	N. C. Tâm	
69	ĐH	14	20202ME6027006			Thí nghiệm NLC	3	108-A9											N. C. Tâm	
70	ĐH	14	20202ME6027006			Thí nghiệm NLC									2	108-A9			N. C. Tâm	
71	ĐH	14	20202ME6027006			Thí nghiệm NLC									3	108-A9			N. C. Tâm	
72	ĐH	14	20202ME6027007	1	25	Thí nghiệm NLC	2	108-A9			1	108-A9							N. V. Quảng	
73	ĐH	14	20202ME6027007	2	25	Thí nghiệm NLC									1	108-A9			B. T. Tài	
74	ĐH	14	20202ME6027007	3	25	Thí nghiệm NLC				3	108-A9								B. T. Tài	
75	CĐ	21	Cơ điện tử 1	1	23	Robot công nghiệp			1	P.201-A10		2	P.201-A10						T.N. Tiến	
76	CĐ	21	Cơ điện tử 1	2	23	Robot công nghiệp	1	P.201-A10			1	P.201-A10		1	P.201-A10				T.N. Tiến	
77	CĐ	21	Cơ điện tử 2	1	25	Robot công nghiệp			2	P.201-A10		1	P.201-A10	2	P.201-A10	1	P.201-A10		P.T. Hùng	
78	ĐH	12	Cơ điện tử	1	10	Đồ án tốt nghiệp					15h05-15h50	P.201-A10							N.X. Thuận	HD ĐATN
79	ĐH	12	0103178.2	1	10	Chuyên đề robot					14h10-14h55	P.201-A10							N.X. Thuận	HD chuyên đề
80	ĐH	12	Cơ điện tử	1	10	Đồ án tốt nghiệp					15h05-15h50	P.201-A10							P.T. Hùng	HD ĐATN
81	ĐH	12	0103178.2	1	12	Chuyên đề robot					14h10-14h55	P.201-A10							P.T. Hùng	HD chuyên đề
82	ĐH	13	ME6051.1	1	25	Đồ án ĐL và ĐK		18h00-18h45	P.201-A10										P.T. Hùng	HD ĐA ĐL&ĐK
83	ĐH	13	ME6059.1	1	42	Robot di động		3	P.201-A10										N.X. Thuận	
84	ĐH	13	ME6055.2	1	35	KTTĐH	2	P.207-A10											V.T.Anh	
85	ĐH	13	ME6055.2	2	35	KTTĐH					2	P.207-A10							V.T.Anh	

86	ĐH	13	ME6055.2	1	26	KTTĐH			2	P.207-A10			2	P.207-A10	2	P.207-A10					L.N.Nghĩa	
87	ĐH	13	ME6055.2	2	27	KTTĐH															L.N.Nghĩa	
88	ĐH	13	ME6055.2	3	26	KTTĐH															L.N.Nghĩa	
89	ĐH	14	CĐT 3	1	36	CBHTD					1	p.203-A10									B. T..Lâm	
90	ĐH	14	CĐT 3	2	37	CBHTD							1	p.203-A10							B. T..Lâm	
91	ĐH	14	CĐT 4	1	35	CBHTD							2	p.203-A10							N.Q.Thơ	
92	ĐH	14	CĐT 4	2	35	CBHTD									1	p.203-A10					N.Q.Thơ	
93	ĐH	14	CĐT 2	1	37	CBHTD			2	p.203-A10											L. N. Duy	
94	ĐH	14	CĐT 2	2	38	CBHTD			3	p.203-A10											L. N. Duy	
95	ĐH	14	CĐT 1	1	20	CBHTD	2	p.203-A10													Hiếu-Lâm	
96	ĐH	14	CĐT 5	1	22	CBHTD													2	p.203-A10	L. N. Duy	
97	ĐH	14	CĐT 5	2	23	CBHTD													3	p.203-A10	L. N. Duy	
98	CĐ	21	ME5026.2	1	34	THCĐT			2	p.206-A10	2	p.206-A10	2	p.206-A10	2	p.206-A10					B.H.Anh	
99	CĐ	21	ME5026.2	1	34	THCĐT							1	p.206-A10							P.Đ.Hiếu	
100	CĐ	21	ME5026.2	1	34	THCĐT											2	p.206-A10			V.T.Anh	
101	ĐH	13	ME6061.1		72	BTL TKHTCĐT						14h10-14h55	p.803-A10								P.Đ.Hiếu	Hưỡng dẫn BTL
102	ĐH	13	ME6061.3		73	BTL TKHTCĐT						15h05-15h50	p.803-A10								P.Đ.Hiếu	Hưỡng dẫn BTL
103	ĐH	13	ME6061.2		75	BTL TKHTCĐT						8h40-9h25	P.204-A10								N. V. Trường	Hưỡng dẫn BTL
104	ĐH	14	ME6022.3	1	25	HTTĐTK			2	P.204-A10											L. V. Hải	
105	ĐH	14	ME6022.3	2	25	HTTĐTK									1	P.204-A10					L. V. Hải	
106	ĐH	14	ME6022.3	3	26	HTTĐTK											1	P.204-A10			L. V. Hải	
107	ĐH	14	ME6022.2	1	24	HTTĐTK				1	P.204-A10										N. V. Trường	
108	ĐH	14	ME6022.1	1	25	HTTĐTK								2	P.204-A10						L. N. Duy	
109	ĐH	14	ME6022.1	1	25	HTTĐTK										2	P.204-A10				L. N. Duy	
110	ĐH	14	ME6022.4	2	25	HTTĐTK			1	P.204-A10											B. T..Lâm	
111	ĐH	14	ME6022.4	3	24	HTTĐTK															B. T..Lâm	
112	ĐH	13	ME6022.5	1	26	HTTĐTK					2	P.204-A10									L.N.Nghĩa	
113	ĐH	13	ME6022.5	2	25	HTTĐTK					3	P.204-A10									L.N.Nghĩa	
114	ĐH	13	ME6022.5	3	26	HTTĐTK									3	P.204-A10					L.N.Nghĩa	
115	ĐH	9	10357.1	1	1	THCSHTTĐ	2	p.201-A10									1	p.201-A10			B.H.Anh	
116	ĐH	14	ME6012.2	1, 2	25	CTM						1	103-A9								N. V. Tuấn	
117	ĐH	14	ME6012.2	3	25	CTM						2	103-A9								N. V. Tuấn	1/2 ca
118	ĐH	14	ME6012.4	1	25	CTM						2	103-A9								N. V. Tuấn	1/2 ca
119	ĐH	14	ME6012.4	2,3	25	CTM						3	103-A9								N. V. Tuấn	
120	ĐH	14	ME6012.6	1,2	25	CTM								1	103-A9						H. X. Khoa	
121	ĐH	14	ME6012.7	3	25	CTM										2	103-A9				T. T. Thủy	
122	ĐH	14	ME6012.7	1	25	CTM					2	103-A9									T. T. Thủy	
123	ĐH	14	ME6012.8	1,2	25	CTM			2	103-A9											T. N. Quyết	
124	ĐH	14	ME6012.9	1,2	25	CTM	1	103-A9													N. H. Tiến	
125	ĐH	14	ME6012.10	1,2	25	CTM	2	103-A9													N. H. Tiến	
126	ĐH	14	ME6012.11	1	25	CTM			1	103-A9											H. X. Khoa	
127	ĐH	14	ME6012.12	1,2	25	CTM	3	103-A9													N. T. Dũng	
128	ĐH	14	ME6012.14	2	25	CTM			3	103-A9											N. T. Dũng	
129	ĐH	14	ME6012.14	2	25	CTM								3	103-A9						N. T. Dũng	
130	ĐH	14	ME6012.16	3	25	CTM										1	103-A9				N. T. Hưởng	
131	ĐH	14	ME6012.16	1	25	CTM				1	103-A9										N. T. Hưởng	
132	ĐH	14	ME6012.17	2	25	CTM								2	103-A9						N. T. Hưởng	

133	ĐH	14	20202ME6031001	1	27	SBVL					3	103-A9								N. V. Luật	
134	ĐH	14	20202ME6031001	1	27	SBVL							3	104-A9						N. V. Luật	
135	ĐH	13	20202ME6013007	1	15	DĐKT							2	Tầng2-A10						N. V. Luật	
136	ĐH	13	20202ME6029002	1	13	PPPTHH	1	Tầng2-A10												T. T. Thủy	
137	ĐH	13	20202ME6010002	1	13	CHVRBD					1	Tầng2-A10								T. T. Thủy	
138	ĐH	13	20202ME6034002	1	13	TKHTCK							1	Tầng2-A10						N. T. Linh	
139	CD	22	CTM1	1	35	VKT	1	208 A10												N.T.T.Mai	
140	CD	22	CTM1	2	35	VKT	2	208A10												N.T.T.Mai	
141	CD	22	CTM1	3	35	VKT					2	208A10								N.T.T.Mai	
142	CD	22	CTM1	1	35	VKT							1	208A10						N.T.T.Mai	
143	CD	22	CTM1	2	35	VKT							2	208A10						N.T.T.Mai	
144	CD	22	CTM1	3	35	VKT									2	208A10				N.T.T.Mai	
145	CD	22	CTM1	1	35	VKT											2	208A10		N.T.T.Mai	
146	CD	22	CTM1	2	35	VKT													1	208A10	N.T.T.Mai
147	CD	22	CTM1	3	35	VKT													2	208A10	N.T.T.Mai
148	ĐH	K13	TK Thời trang	1	70	VKT							7,8,9,10	505 - A10						P. T. M. Huệ	12h30' -15 h 30'